

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THANH HÓA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH LONG AN

Bản án số: 04/2018/HSST

Ngày: 08/3/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hồng Xuân

Ông Nguyễn Thành Trung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Toàn –
Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH Hóa tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở tòa án huyện TH Hóa xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm
2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐST-HS ngày
12/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/HSST-QĐ ngày
07/02/2018 đối với bị cáo:

Phùng Thị O, Sinh năm: 1973.

HKTT: Khu phố 3, thị trấn TH Hóa, huyện TH Hóa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, thị trấn TH Hóa, huyện TH Hóa, Long An.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới
tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phùng Văn Dừa, sinh năm: 1951 và bà Nguyễn Thị Hải, sinh năm
1953.

Gia đình bị cáo có 03 anh, chị, em ruột.

Chồng: Trần Văn Vinh, sinh năm: 1955. (Đã ly hôn năm 1998)

Bị cáo có 2 con, lớn sinh năm 1998 hiện đang học lớp 12, nhỏ sinh năm:
2011, hiện đang học lớp 1.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Thanh Nga, Văn phòng
LS Nguyễn Thị Thanh Nga thuộc đoàn LS tỉnh Long An.

- Người bị hại: Nguyễn Thị H (O), sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Thị, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Luật sư Trần Văn Cường, Văn phòng Luật sư Trần Văn Cường thuộc Đoàn LS tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TH Hóa, huyện TH Hóa, tỉnh Long An.

2. Lưu Văn Minh (chín Đoàn), sinh năm 1982; địa chỉ: ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

3. Phạm Hồng Quân, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp 2, xã Thủy Tây, huyện TH Hóa, Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Phùng Thị O bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TH Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị hại Nguyễn Thị H là nhân viên phục vụ quán Cát Phượng tại thị trấn TH Hóa do bà Nguyễn Thị Hải, mẹ của bị cáo O làm chủ. Bị cáo Phùng Thị O cho bị hại Nguyễn Thị H mượn tiền. Khoảng đầu tháng 7/2017, H nghỉ việc và rời khỏi thị trấn TH Hóa, đi tạm trú nơi khác không rõ địa chỉ nhưng không trả tiền cho O. O nhiều lần điện thoại đòi tiền nhưng H vẫn không trả nợ. Khoảng 16h00 ngày 10/7/2017 khi O đang đứng trong nhà bà Nguyễn Thị Nhít, Khu phố 3, thị trấn TH Hóa, huyện TH Hóa, tỉnh Long An ven tuyến Quốc lộ N2 cạnh nhà O. O phát hiện H điều khiển xe mô tô đi trên Quốc lộ N2 theo hướng huyện Đức Hòa đi hướng Quốc lộ 62. Lúc này, O thấy Phạm Hồng Quân, đang nằm trên võng nên O nhờ Quân đuổi theo H. Quân lấy xe mô tô biển số 62D1-105.21 của Nguyễn Thị Hà đứng tên chủ sở hữu, đang đậu trước cửa quán nơi Quân nằm, chở O và đuổi theo xe H. Quân chở O đuổi theo H đến đoạn đường tỉnh 836B, thuộc Ấp 1, xã TH An, huyện TH Hóa, tỉnh Long An, phát hiện H đang dừng xe bên lề phải theo hướng từ QL 62 về hướng huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và ngồi trên xe nghe điện thoại. O yêu cầu Quân dừng xe lại cạnh xe phía trước. Quân chạy xe mô tô tới dừng bên trái xe mô tô của H, O bước xuống xe chửi H vì sao không trả nợ và dùng mũ bảo hiểm đánh trúng vào mũ bảo hiểm của H đang đội trên đầu liên tiếp 02, 03 cái. Nón bảo hiểm O dùng đánh H đã trượt xuống gây gãy kính chiếu hậu của xe mô tô 63X6-7626 do H điều khiển. H bị đánh bất ngờ, không kịp phản ứng và rời khỏi xe của H. Khi H rời khỏi xe, chìa khóa xe vẫn đang cắm trong ổ khóa của xe nên O dùng tay quay đầu xe mô tô 63X6-7626, về hướng Quốc lộ 62 và lên xe nổ máy chạy về nhà O. Trước khi O lấy xe O có nói với H “mày về nhà tao giải quyết nợ”. Quân thấy O lấy xe H chạy về nên cũng điều khiển xe 62D1-105.21 về phòng trọ. Khi O về đến nhà đã điện thoại trình báo cho Công an thị trấn TH Hóa về việc O đã lấy xe của H để giải quyết nợ. Công an thị trấn TH

Hóa yêu cầu khi nào H đến thì trình báo để Công an xuống giải quyết. Phía H sau khi bị O đánh và lấy xe, H đã đến Công an huyện TH Hóa trình báo. Công an huyện TH Hóa đã thu hồi xe mô tô 63X6-7626 để giải quyết.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản số 84/HĐĐGTS ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TH Hóa, kết luận: Xe mô tô 63X6-7626 có giá trị 3.500.000 đồng. Chủ sở hữu xe là ông Lưu Văn Minh.

Cơ quan điều tra đã thu giữ : 01 xe mô tô biển số 62D1 – 105.21; 01 xe mô tô biển số 63X6-7626; 01(một) mũ bảo hiểm loại nửa đầu, đã cũ có nhiều vết trầy xước, có in chữ ‘HONDA KHÁNH AN’ màu đỏ; 01(một) gương chiếu hậu xe mô tô, mặt kính bị nứt một đường.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TH Hóa đã trả lại xe mô tô biển số 62D1 – 105.21 cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Hà; trả lại xe mô tô biển số 63X6-7626 cho chủ sở hữu là ông Lưu Văn Minh; Tiếp tục tạm giữ 01(một) mũ bảo hiểm loại nửa đầu, đã cũ có nhiều vết trầy xước, có in chữ ‘HONDA KHÁNH AN’ màu đỏ; 01(một) gương chiếu hậu xe mô tô, mặt kính bị nứt một đường để điều tra.

Ngoài ra Nguyễn Thị H còn khai báo, khi bị Phùng Thị O lấy xe thì trong cốp xe có 12.000.000 đồng nhưng khi Công an thu giữ và kiểm tra thì số tiền 12.000.000 đồng không còn.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị H yêu cầu Phùng Thị O bồi thường số tiền 14.000.000 đồng; gồm: 12.000.000 đồng do tiền bị mất và 2.000.000 đồng chi phí đi lại.

Tại cáo trạng số 31/QĐ-KSĐT ngày 24/11/2017, Viện kiểm sát huyện TH Hóa truy tố bị cáo tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 điều 133 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS đề nghị áp dụng khoản 1, điều 133 Bộ luật hình sự 1999, điểm b, g, p khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46 BLHS xử phạt bị cáo bị cáo 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền 12.000.000 đồng của người bị hại.

Đối với hành vi Phạm Hồng Quân Viện kiểm sát đề nghị không xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện nội dung vụ án, nguyên nhân phạm tội, hoàn cảnh gia đình bị cáo để cho bị cáo được án treo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử hành vi phạm tội của bị cáo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu buộc bị cáo trả cho người bị hại 12.000.000 đồng bị mất vì bị cáo đã chứng minh được nguồn gốc của số tiền bị mất.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo một mình nuôi hai con ăn học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Từ lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ thu được có đủ cơ sở xác định ngày 10/7/2017 do có mâu thuẫn về việc bị hại Nguyễn Thị H vay mượn nợ không trả, khi thấy bị hại H chạy xe qua nhà, có hành động khiêu khích, kêu bị cáo “ê,ê...” nên bị cáo đã nhờ Phạm Hồng Quân dùng xe máy chạy theo H. Khi gặp H, bị cáo O đã dùng nón bảo hiểm đánh vào nón bảo hiểm H đang đội trên đầu làm H bị bất ngờ rời khỏi yên xe. Bị cáo O đã lấy xe mô tô 63X6-7626 mà bị hại H đang điều khiển chạy về nhà và yêu cầu O quay lại giải quyết nợ nần. Việc O lấy xe của H không được sự đồng ý của H. Bản kết luận về việc định giá tài sản số 84/HĐĐGTS ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TH Hóa, kết luận xe mô tô 63X6-7626 có giá trị 3.500.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản quy định tại khoản 1, điều 133 Bộ luật hình sự. Do đó, VKS truy tố bị cáo theo khoản 1 điều 133 BLHS là có căn cứ.

[3] Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng định khung và tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 48 BLHS.

[4] Bị cáo cho rằng, bị cáo lấy xe của bị hại nhằm mục đích để bị hại H quay lại nhà bị cáo giải quyết nợ nần. Tuy nhiên, đây là hành vi không được pháp luật thừa nhận. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự địa phương, cần phải bị xét xử để không để xảy ra tình trạng đòi nợ không đúng quy định của pháp luật.

[5] Để xử bị cáo đúng pháp luật, đồng thời thể hiện tính công bằng, khách quan thì cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả 2.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm b khoản 1, điều 46 BLHS 1999.

[6] Người bị hại Nguyễn Thị H thừa nhận có nợ tiền bị cáo nhưng không có ý định trả. Bị hại cho rằng mẹ của bị cáo O còn nợ tiền hụi nên khi nào mẹ bị cáo trả tiền thì H mới trả tiền cho bị cáo. Qua quá trình điều tra và lời trình bày của bị cáo, bị hại tại phiên tòa, xét thấy tiền bị cáo O cho bị hại H mượn

không phải là tiền của mẹ bị cáo. Mặt khác, việc thanh toán hụi giữa chủ hụi và bị hại H đã được giải quyết xong. Việc bị cáo cho H vay tiền và việc H chơi hụi với mẹ bị cáo là hai mối quan hệ độc lập. Việc bị hại không trả tiền cho bị cáo, khi đi qua nhà còn có thái độ thách thức là hành vi trái pháp luật. Do bức xúc vì bị hại không trả tiền nên bị cáo đuổi theo bị hại lấy xe để bị hại trả tiền. Như vậy, bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về hành vi trái pháp luật của bị hại. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 1 điều 46 BLHS.

[7] Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g,p khoản 1 điều 46 BLHS.

[8] Bị cáo Phùng Thị O phạm tội nhưng cho rằng không biết được hành vi của mình là hành vi phạm tội. Tuy nhiên, ngay sau khi lấy xe của bị hại H, O đã điện báo cho công an thị trấn nhằm giải quyết vụ việc. Đây là tình tiết được xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo O hiện là mẹ đơn thân, một mình nuôi hai con học lớp 12 và lớp 1 tại địa phương. Ngoài ra bị cáo không có sự hỗ trợ nào khác từ gia đình.

[9] Xét thấy, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Viện kiểm sát và luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận. Không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung.

[10] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị O yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng chi phí đi lại và thiệt hại trong quá trình giải quyết vụ án và 12.000.000 đồng tiền của bị hại bị mất. Bị cáo đồng ý bồi thường 2.000.000 đồng và đã nộp đủ nên chấp nhận yêu cầu bồi thường 2.000.000 của bị hại. Đối với yêu cầu đòi số tiền 12.000.000 bị mất, bị cáo không thừa nhận lấy tiền của bị hại. Cơ quan điều tra, bị hại cũng không chứng minh được bị hại để tiền trong cốp xe và bị mất nên không có cơ sở chấp nhận.

[11] Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 62D1 – 105.21 cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Hà; trả lại xe mô tô biển số 63X6-7626 cho chủ sở hữu là ông Lưu Văn Minh. Ông Minh, bà Hà không có yêu cầu gì khác nên không đề cập.

[12] Về tang vật vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ một nón bảo hiểm, một kính chiếu hậu bị vỡ. Bị hại không yêu cầu nhận lại nón bảo hiểm. Ông Lưu Văn Minh không yêu cầu nhận lại kính chiếu hậu. Các tài sản này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đòi lại 12.000.000 đồng không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 133 BLHS,

Tuyên xử: Bị cáo Phùng Thị O phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phùng Thị O 3 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gia thử thách 5 năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn TH Hóa theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) mũ bảo hiểm loại nửa đầu, đã cũ có nhiều vết trầy xước, có in chữ ‘HONDA KHÁNH AN’ màu đỏ; 01(một) gương chiếu hậu xe mô tô, mặt kính bị nứt một đường.

Áp dụng các Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000đ của bà Nguyễn Thị H.

Bà Nguyễn Thị H được nhận 2.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án huyện TH Hóa theo biên lai thu tiền số 0006319 ngày 06/02/2018.

Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 điều 23, khoản 1 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Phùng Thị O phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm; Bị hại Nguyễn Thị H phải chịu 600.000 đồng tiền án phí DSST.

Bị cáo, bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện TH Hóa;
- Công an huyện TH Hóa
- Chi cục thi hành án
- UBND thị trấn TH Hóa
- Sở Tư pháp Long An
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thúy Lành